TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BOM** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 26 tháng 4 năm 2019;
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trịnh Thị Quyên;
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lộc Văn Bậu và ông Đặng Quang Hoạch;
- ***Thư ký phiên toà***: Bà Phan Thị Hồng Phúc – Thư ký Tòa án.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà: Ông Lê Trọng Đại*** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 100/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2019/QĐXXST - HNGĐ, ngày 10 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị H, sinh năm 1985. (Xin vắng mặt)
- Bị đơn: Anh Nguyễn T, sinh năm 1980. (Có mặt)

Cùng trú tại: Khu 5, ấp H, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong quá trình chuẩn bị xét xử, nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:

Chị và anh Nguyễn T tự nguyện chung sống, đăng ký kết hôn và được UBND xã Q, huyện T (cũ) nay là huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 20/11/2002.

Mâu thuẫn vợ chồng xảy ra nguyên nhân do bất đồng quan điểm, lối sống, tính cách không phù hợp, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung không tin tưởng lẫn nhau, nên thường xuyên xảy ra xung đột, cãi vã. Anh T thường ghen tuông một cách vô cơ rồi về hù dọa, đánh đập chị. Vì các con còn nhỏ chị đã cố gắng chịu đựng và cho anh T nhiều cơ hội để sửa chữa nhưng anh T vẫn không thay đổi. Do anh T thường xuyên hù dọa chị nên chị đã dọn ra ngoài sinh sống, hiện tại vợ chồng không còn quan tâm, chăm sóc đến nhau và tình cảm chị dành cho anh T không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Nguyễn T.

Về con chung: Chị và anh T có 04 con chung là: Nguyễn Thị Như N, sinh ngày 23/01/2003; Nguyễn Ngọc Tuyết N1, sinh ngày 17/3/2007; Nguyễn Ngọc Ý N2, sinh ngày 27/4/2008 và Nguyễn Phạm Đức K, sinh ngày 06/01/2016. Khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi cả 04 con chung, tạm thời chị không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng tiền nuôi con;

Tài sản chung: không tranh chấp, chị cam kết vợ chồng không có nợ chung.

Ngoài ra, chị không có yêu cầu gì khác.

- Bị đơn anh Nguyễn T trình bày: Anh và chị Phạm Thị H tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện T (cũ) nay là huyện T, tỉnh Đồng Nai và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 20/11/2002.

Anh thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng xảy ra nguyên nhân như chị H trình bày là đúng. Do tính tình nóng nảy nên anh đã làm nhiều điều không tốt khiến cho vợ con phải khổ, anh rất hối hận vì trước đây anh chỉ biết nghĩ cho bản thân mình ít quan tâm đến vợ con, hiện tại anh vẫn còn tình cảm thương yêu vợ con nên anh không đồng ly hôn với chị H. Nếu chị H vẫn cương quyết muốn ly hôn thì đề nghị Tòa xét xử theo pháp luật.

Về con chung: Có 04 con là: Nguyễn Thị Như N, sinh ngày 23/01/2003; Nguyễn Ngọc Tuyết N1, sinh ngày 17/3/2007; Nguyễn Ngọc Ý N2, sinh ngày 27/4/2008 và Nguyễn Phạm Đức K, sinh ngày 06/01/2016. Nếu phải ly hôn thì anh yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Ngọc Tuyết N1, sinh ngày 17/3/2007, tạm thời anh không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con.

Ngoài ra anh không có yêu cầu nào khác;

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ tố tụng;

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H; Về quan hệ hôn nhân: cho chị H được ly hôn với anh T; Về con chung: Giao cho chị H được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung là: Nguyễn Thị Như N, sinh ngày 23/01/2003; Nguyễn Ngọc Ý N2, sinh ngày 27/4/2008 và Nguyễn Phạm Đức K, sinh ngày 06/01/2016, giao cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là cháu: Nguyễn Ngọc Tuyết N1, sinh ngày 17/3/2007, tạm thời chị H và anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] ***Về tố tụng dân sự*****:** Chị Phạm Thị H khởi kiện về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" đối với bị đơn là anh Nguyễn T hiện đang cư trú tại địa chỉ: khu 5, ấp H, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Mặt khác, chị H có đơn xin xét xử vắng mặt; căn cứ điểm b khoản 2, Điều 227, 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H là có căn cứ.

[2] ***Về nội dung vụ án*****:**

2.1. Quan hệ hôn nhân giữa chị chị Phạm Thị H và anh Nguyễn T là hợp pháp, vì kết hôn tự nguyện, được UBND có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận kết hôn, không vi phạm các điều kiện cấm kết hôn theo đúng quy định tại Điều 9, Điều 10 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 nên được pháp luật công nhận, bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị H thì thấy: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã mở phiên hòa giải, kêu gọi đoàn tụ nhưng không thành do chị H không đồng ý đoàn tụ, anh T không đồng ý ly hôn. Xét thấy mục đích của hôn nhân và gia đình là sự gắn kết bằng tình yêu thương, sự quan tâm, chăm sóc, tôn trọng và tin tưởng nhau. Trong khi đó hôn nhân của chị H và anh T thực tế hai người đều thừa nhận không có hạnh phúc, vợ chồng không còn tôn trọng, tin tưởng và quan tâm chăm sóc đến nhau, không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, đã vi phạm quyền và nghĩa vụ của vợ chồng. Trong suốt quá trình chuẩn bị xét xử chị H vẫn cương quyết xin ly hôn với anh T qua đó càng chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, anh T bế tắc và không thuyết phục được chị H trở về đoàn tụ, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình thì đây là căn cứ để Tòa án cho ly hôn và cần chấp thuận cho chị H được ly hôn với anh T.

2.2. Về con chung: Chị H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cả 04 con chung, anh T yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Ngọc Tuyết N1. Xét thấy cháu N1 và cháu N2 có nguyện vọng được sống cùng anh T, cháu N có nguyện vọng được sống cùng chị H, cháu K còn nhỏ. Tuy nhiên cháu Nguyễn Ngọc Ý N2, sinh ngày 27/4/2008 đang ở độ tuổi phát triển, bị tật bẩm sinh, mọi sinh hoạt của cháu đều phải có người giúp đỡ nên việc giao cháu N2 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng tại thời điểm này là phù hợp. Do đó, cần giao cho chị H được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 03 con chung là: Nguyễn Thị Như N, sinh ngày 23/01/2003; Nguyễn Ngọc Ý N2, sinh ngày 27/4/2008 và Nguyễn Phạm Đức K, sinh ngày 06/01/2016. Giao cho anh T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 01 con chung là: Nguyễn Ngọc Tuyết N1, sinh ngày 17/3/2007. Do chị H và anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con trong vụ án này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2.3. Về tài sản chung: Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung: Các đương sự khai không có nên không đề cập.

[3] ***Về án phí***: Chị H phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

Xét đề nghị nêu trên của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom thì thấy phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Các Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84; Điều 119; Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị H;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị H được ly hôn với anh Nguyễn T.

2. Về con chung: Chị Phạm Thị H được quyền trực tiếp trôm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 03 con là: Nguyễn Thị Như N, sinh ngày 23/01/2003; Nguyễn Ngọc Ý N2, sinh ngày 27/4/2008 và Nguyễn Phạm Đức K, sinh ngày 06/01/2016; Anh Nguyễn T được quyền trực tiếp trôm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 01 con là: Nguyễn Ngọc Tuyết N1, sinh ngày 17/3/2007.

Tạm thời chị H và anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được cản trở quyền thăm nom con chung của chị H và anh T.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Phạm Thị H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được khấu trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom theo biên lai thu số 001314 ngày 19/02/2019. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Anh Nguyễn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án; chị Phạm Thị H có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND huyện Trảng Bom;
- Chi cục T.H.A. DS huyện TB;
-UBND xã Q, huyện T, tỉnh Đồng Nai;
(GCNKH số 123/2002; ĐKKH ngày 20/11/2002);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trịnh Thị Quyên